



Chân thành cảm ơn Quý khách hàng đã tin dụng sản phẩm của chúng tôi

Lập Trình Cơ Bản Bằng Bàn Key Cho Tổng Đài TDA100/200

- ❖ Bàn Key sử dụng để lập trình phải là loại **Digital** như **KX-TD333, KXT7630, KXT7633** và phải gắn ở port 1 của card CPU hoặc card DHLC **KXTDA0170**
- ❖ Những phím thường dùng để lập trình chức năng của tổng đài:
 - **Program**: chuyển hệ thống sang chế độ lập trình
 - **Sp-phone**: lật trang màn hình đi tới
 - **Redial**: lật trang màn hình đi lui
 - **Auto answer**: lựa chọn chế độ khi lập trình
 - **Auto dial**: lưu giá trị khi lập trình
 - **Fwd\ndnd**: di chuyển con trỏ tới
 - **Conf**: di chuyển con trỏ lui
 - **Hold**: kết thúc lệnh khi lập trình xong một chức năng

Các bước lập trình

Khoảng nháy máy bấm program -> program no-> *#1234 (1234 là Password default lập trình hệ thống)-> màn hình hiện "Sys-pgm No"-> nhập mã để lập trình dòng này:

I. Ngày giờ hệ thống:

- Nhập **000** -> **Date & time set** -> **Enter** -> **Y-M-D** [nhập số liệu năm(**00->99**), tháng(**01->12**) ngày hiện hành (**01->31**)]-> **Store** -> **Next** -> **HH(01->12)-MM(01->60)**-> (Nhập giờ và phút hiện hành) -> **Store** -> **Hold**

II. Chuyển đổi chế độ ngày đêm tự động hay nhân công:

- Nhập **101** -> **Time service** -> **Enter** -> bấm select(**Manual\Auto**) -> (chọn **Manual** là chế độ nhân công, chọn auto là chế độ tự động) -> **Store**(lưu) -> **Hold**(thoát)

III. Xác lập thời gian biểu:

- Nhập **102** -> **Time service tbl** -> **Enter** -> **Day No** -> **Enter** -> (**Sun->Sat** chọn từ **CN** đến **Thứ 7**) -> **Enter**-> **Time No** (bấm số 1 cho chế độ "**Day-1**" nhập giờ bắt đầu từ buổi sáng, bấm số 2 cho chế độ "**Lunch**" giờ bắt đầu buổi trưa, bấm số 3 cho chế độ "**Day-2**" nhập giờ bắt đầu buổi chiều, "**Night**" nhập giờ bắt đầu đêm) -> **Store** (lưu) -> **Hold** (thoát)

IV. Đổi số nội bộ(số máy nhánh):

- Số máy nhánh có thể là 3 hoặc 4 kí tự tùy thuộc vào khai báo số dẫn đầu(phần đầu của một số nội bộ). Nếu số dẫn đầu từ 0->9 thì số nội bộ là 3 kí tự như 101, 201, 301..., số dẫn đầu là 00->99 thì số nội bộ là 4 kí tự như 1001, 7777...
- Nhập **100** -> **Flex numbering** -> **Enter** -> **Location** -> Khai báo số dẫn đầu(**0->9,00->99**) từ vị trí 1 -> **16** -> **Store**(lưu) -> **Hold**(thoát)
- Nhập **003** -> **Extention Number** -> **Enter** -> **Extention no** -> **Enter** -> **Current Ext No**(số Ext cũ hay số máy nhánh cũ) -> **New Etx No**(số máy nhánh mới cần đổi) -> **Store**(lưu) -> **Next Ext No**(số máy nhánh tiếp theo cần đổi) -> **Store**(lưu) -> **Hold**(thoát)

V. Xác lập Operator

- Nhập **006** -> **Enter** -> **System Operator** -> **Enter** -> **Time No**(số 1=day, số 2=night, số 3=lunch, số 4=break chọn chế độ tương ứng cho máy **Operator**) -> **Ext no**(số máy nhánh được gán làm **Operator**)->**Store**(lưu)->**Hold**(thoát)

VI. DSS: (Bàn giám sát)

- Nhập **601** -> **DPT Property** -> **Enter** -> **Slot No** -> **Enter** -> **Port No**(chọn port để gắn Dss -> **Select** -> **Dss Cnsl** -> **Store**(lưu) -> **Hold**(thoát)
- Nhập **007** -> **DSS Console** -> **Enter** -> **DSSno** -> **Enter** -> **Nhập ext**(máy nhánh) đi cùng với bàn **DSS** -> **Store**(lưu) -> **Hold**(thoát)

VII. Đổ chuông : (Mặc định tất cả CO đổ máy nhánh Operator)

Nếu đổ nhiều máy thì DIL theo số nổi :

- ❖ **620** : Xác định số nổi (ICD Group Number , có 64 nhóm : từ nhóm 1 đến nhóm 64 tương ứng với số nổi là 601 -> 604 mặc định trong chương trình 622) : Đưa những máy nào muốn đổ chuông vào cùng một nhóm theo số nổi) .
 - Nhập **620** -> **ICD group Member** -> **Enter** -> **ICD Group No(01->64)** chọn **ICD Group** để khai báo máy đổ chuông từ **Group1** -> **Group 64** -> vị trí các máy đổ chuông(01 -> 32 tối đa 32 máy đổ chuông trong một **ICD Group**) -> **nhập số máy nhánh** -> **Store(lưu)** -> nhập vị trí tiếp theo để khai báo cho máy nhánh tiếp theo đổ chuông -> **Store(lưu)** -> **Hold(thoát)**
- ❖ **621** : Chọn Delay chuông hoặc đổ cùng một lúc cho từng ICD group (01->64)theo số nổi .
 - Nhập **621** -> **Delayed Ring** -> **Enter** -> **ICD Group** -> chọn **ICD Group** (01->64) đổ chuông để **Delay** tương ứng với **ICD group** trong chương trình 620 -> **Enter**-> chọn chế độ **Delay** cho máy nhánh trong **ICD group** (5s,10s,15s) -> **Store(lưu)** -> **Hold(lưu)**
- ❖ **450**: Chọn DIL theo nhóm số nổi cho ngày, đêm , trưa cho từng CO .
 - Nhập **450** -> **DIL 1:1 Ring** -> **Enter** -> **Time mode**(bấm số cho 1:day,2:lunch,3:break,4:night) -> **Slot no** -> **Enter** -> **Port No** (chọn port CO) -> **Ext**(nhập số nổi của **ICD group** đổ chuông ở lệnh 620 (601->664) -> **Store(lưu)** -> **Hold(kết thúc)**

VIII. Hunting : (Tìm máy rỗi đổ chuông trong nhóm)

- ❖ **680** : Chọn kiểu Hunting cho nhóm dùng Hunting Group ,có 64 Hunting Group từ Group 1 -> Group 64.
 - Nhập **680** -> **Hunt group type** -> **Enter** -> **hunt group(01->64)**-> bấm **Select(terminate,circular)** -> chọn 1 trong 2 chế độ **Terminate** (chế độ đổ chuông đầu cuối) và **Circular**(chế độ đổ chuông xoay vòng) -> **Store(lưu)** -> **Hold(thoát)**
- ❖ **681** : Cho những máy đổ chuông vào nhóm tương ứng từ nhóm 1-> nhóm 64, tối đa có 16 máy đổ chuông trong một Hunting group
 - Nhập **681** -> **Hunt Group Member** -> **Enter** -> **Hunt Group(01->64)** chọn **Group** ở chế độ hunt tương ứng với lệnh **680** -> cho các **Ext** (máy nhánh) vào nhóm để **Hunting** -> **Store(lưu)** -> **Hold(thoát)**
- ❖ **450** : Chọn số dẫn đầu .(**Hunting theo từng CO**)
 - Nhập->450->DIL 1:1 Ring ->enter->time mode(nhập số 1:day,2:lunch,3:break,4:night)->slot no->enter->port no(chọn port CO trên card Trung kế cần đổ chuông->nhập 1máy nhánh bắc kỳ trong nhóm hunting khi máy này bận sẽ đổ chuông máy rỗi tiếp theo trong nhóm->store(lưu)->hold(thoát)

IX. DISA :Khi người gọi vào trên đường co(trung kế) sử dụng chế độ disa thì sẽ nghe phát ra bản tin (OGM) sau đó người gọi có thể bấm số nội bộ trực tiếp muốn gặp(nếu biết),nếu không bấm gì cuộc gọi chuyển về máy operator.

- ❖ **450** : DIL số nổi của từng OGM(bản tin) theo số nổi (có 64 số nổi cho 64 OGM : 501 ->564) trên đường Co(đường trung kế).Nếu muốn dùng bản tin **Disa** nào cho **CO**(đường trung kế) thì **Dil** số nổi của **OGM** đó trên **Co** (trung kế) đó và khi đó thu âm bản tin **OGM** đó.
 - Nhập **450** -> **Dil 1:1 Ring** -> **Enter** -> **Time mode**(nhập số 1:day,2:linch,3:break,4:night) -> **Slot No** -> **Enter** -> **Port No**(chọn **Port CO**(trung kế) trên **Card** trung kế cần sử dụng **Disa** -> nhập số nổi của bản tin **Disa** theo **OGM No(501->564)** -> **Store(lưu)** -> **Hold(thoát)**
- ❖ **730** : Chọn số nổi **OGM** (**OGM 1-> OGM 64** có số nổi là **EXT 501->EXT 564**(nếu muốn đổi số nổi bản tin disa thì đổi như đổi số máy nhánh,có thể xóa để khai báo cho số máy nhánh dùng trong nội bộ)

X. Xác định thời gian FWD khi bận hoặc không trả lời .

- Nhập **605** -> **FWD N/A Time** -> **Enter** -> **Ext** (máy nhánh) -> **Nhập số Ext** (máy nhánh) để giới hạn thời gian -> Nhập thời gian cần giới hạn khi máy đổ chuông bao nhiêu hồi chuông(tương ứng thời gian cần giới hạn) -> **Store(lưu)** -> **Next** -> **Để nhập ext**(máy nhánh) tiếp theo để gán thời gian giới hạn -> **Store(lưu)** -> **Hold(kết thúc)**

XI. Xác định những máy nằm trong COS cho phép Call Forward to CO .

- Nhập **504** -> **Call FWD to CO** -> **Enter** -> **Cos No**(nhập cos bất kì từ **Cos 1** -> **Cos 64** với chế độ cho phép hay không cho phép **Call FWD** là **Anable** hoặc **Disable**) ->**Store**(lưu) -> nhập **Cos** tiếp theo nếu có -> **Store**(lưu) -> **Hold**(kết thúc)
- Nhập **602** -> **Class of service** -> **Enter** -> **Ext No**(nhập số máy nhánh) -> nhập **Cos** (cho máy nhánh vào **Cos** để sử dụng trong chương trình 504 ở trên -> **Store**(lưu) -> **Hold**(kết thúc)

XII. Call Transfer to CO

- Nhập **503** -> **Transfer to CO** -> **Enter** -> **Cos no**(nhập cos bất kì từ cos 1->cos 64 với chế độ cho phép hay không cho phép **Transfer to CO**) -> nhập **Cos** tiếp theo nếu có -> **Store**(lưu) -> **Hold**(kết thúc)
- Nhập **602** -> **Class of service** -> **Enter** -> **Ext no**(nhập số máy nhánh) -> **Nhập cos** (cho máy nhánh vào cos để sử dụng trong chương trình 503 ở trên -> **Store**(lưu) -> **Hold**(kết thúc)

XIII. Đảo cực CO khi sử dụng phần mềm tính cước ,xác định chính xác thời gian đàm thoại cho ra bản tính cước chính xác .

- Nhập **415** -> **Reverse detect** -> **Enter** -> **Slot**(vị trí card trung kế) -> **Enter** -> **Port no**(vị trí CO cần đảo cực) -> **Enter** -> [**Disable**(không đảo cực),**outgoing**(đảo cực hướng gọi ra), **both call**(đảo cực hướng gọi ra và gọi vô)] -> **Estore**(lưu) -> **Next** -> **Port no** tiếp theo -> **Store**(lưu) -> **Hold**(kết thúc)

XIV. Flash Time

- Nhập **417** -> **Flash time** -> **Enter** -> **Slot no**(vị trí card trung kế) -> **Enter** -> **Port no**(vị trí CO line) -> **Enter** -> bấm **Select** chọn thời gian **Flash** -> **Store**(lưu) -> **Next** -> **Port no** tiếp theo -> **Store**(lưu) -> **Hold**(kết thúc)

XV. Chế độ quay số (Mặc định DTMF)

XVI. Kết nối CO xác định số đường bưu điện dùng làm đường trung kế(co) cho việc gọi ra ở máy nhánh và gọi vào của đường trung kế bên ngoài(đường thuê bao bưu điện).

- Nhập **400** -> **CO connection** -> **Enter** -> **Slot no**(vị trí card trung kế) -> **Enter** -> **Port no**(vị trí CO hay port trung kế) -> Bấm **Select** để chọn **connect**(sử dụng kết nối với đường bưu điện) hay **No connect**(không sử dụng kết nối với đường bưu điện) tương ứng với đường trung kế(co) dùng trong tổng đài -> **Next** -> **Port no** tiếp theo -> **Store**(lưu) -> **Hold**(kết thúc)

XVII. Giới hạn thời gian gọi ra : (Máy con trong tổng đài chỉ đàm thoại với thuê bao ở ngoài với thời gian quy định)

❖ **502** : Chọn **Enable** hoặc **Disable** cho từng **COS** sử dụng chế độ giới hạn thời gian gọi.

- Nhập **502** -> **CO durat.limit** -> **Enter** -> **Cos no** -> **Enter** -> Nhập **Cos** để giới hạn thời gian gọi ra -> Nhập **cos** để chọn **disable** không giới hạn thời gian gọi ra,**Anble** có giới hạn thời gian gọi ra) -> **Store**(lưu) -> **Next** -> chọn **cos** tiếp theo nếu có -> **Store**(lưu) -> **Hold**(kết thúc)

❖ **472** : Chọn thời gian giới hạn gọi ra,hết thời gian này máy nhánh sẽ không tiếp tục cuộc đàm thoại .

- Nhập **472** -> **Ext-Co Duration** -> **Enter** -> **Trunk grp** -> **Enter** -> Nhập **Group** trung kế(từ **group 1** -> **group 64**) -> Nhập thời gian cần giới hạn từ 1 phút cho đến 60 phút) -> **Store**(lưu) -> **Next** -> **Trunk group** tiếp theo nếu có -> **Store**(lưu) -> **Hold**(thoát)

❖ **602** : Đưa những máy nhánh nào giới hạn vào cos dùng chế độ giới hạn thời gian gọi ở trong chương trình 502.

- Nhập **602** -> **Class of service** -> **Enter** -> **Ext no**(nhập số máy nhánh) -> Nhập **cos**(cho máy nhánh vào cos để sử dụng trong chương trình 502 ở trên -> **Store**(lưu) -> **Hold** (thoát)

XVIII. Giới hạn cuộc gọi :

❖ **301** : Tạo mã cấm trên Level (từ level 2->level 6)

- Nhập **301** -> **TRS code** -> **Enter** -> **Level no** -> Chọn **level**(từ **level 2** -> **level 6**) -> **Location**(**001**->**100**) -> **Enter** -> Nhập mã cấm vào các vị trí từ (1->100) -> **Store**(lưu) -> **Next** -> vị trí tiếp theo tạo mã cấm tiếp -> **Store**(lưu) -> **Hold**(thoát)

❖ **501** : Đưa Cos vào Level (ở chế độ ngày và đêm)

- Nhập **501** -> **TRS Level** -> **Enter** -> **Time mode** -> nhập **1** :**day**,**2**:**lunch**,**3**:**break**,**4**:**night** -> **Cos no** -> nhập **cos**(từ cos 1->cos 64) -> **Level no** chọn **level** cho **cos**(1->6) -> **Store**(lưu) -> **Next** -> **Cos** tiếp theo -> **Store**(lưu) -> **Hold**(thoát)

❖ **602** : Đưa Ext(máy nhánh) vào Cos cần giới hạn cuộc gọi

- Nhập **602** -> **Class of service** -> **Enter** -> **Ext no**(nhập số máy nhánh) -> nhập **cos** cho **Ext**(máy nhánh) vào **cos** sử dụng trong chương trình 501 ở trên -> **Store(lưu)** -> **Hold(thoát)**

- **Chú thích:**

Một **Ext** (máy nhánh) thuộc **cos** mà **cos** đó được gán vào **Level** ở chế độ ngày đêm, trong **level** có mã cấm gì thì **Ext**(máy nhánh) đó sẽ không gọi được những mã đã cấm trong **level**. Ví dụ máy 101 ban ngày gọi được di động liên tỉnh không gọi được quốc tế, ban đêm chỉ gọi nội hạt, ta nhập lệnh **301** -> **TRS level** -> **Enter** -> **Level no** -> Chọn **level 02** -> **Enter** -> tạo mã cấm gọi quốc tế là 00,17100,17700,17900,17800 tương ứng cho vị trí 1 -> 5 -> **Store** -> **Next** -> chọn **Level 03** -> **Enter** -> tạo mã cấm gọi di động, liên tỉnh là 0,17(171,177,178,179 gọi đường dài giá rẻ) -> **Store** -> **Hold**. Tiếp theo nhập lệnh **501** -> **TRS level** -> **Enter** -> **Time mode** -> bấm số 1 để chọn chế độ ban ngày -> **Cos no** -> **Enter** chọn **cos 1** cho vào **level 02** -> **Store** -> chọn chế độ ban đêm -> cho **cos 1** cho vào **level 03** -> **Store** -> **Hold**. Cuối cùng nhập lệnh **602** -> **Class of service** -> **Enter** -> **Ext no** -> nhập **ext 101** -> đưa máy **101** vào **cos 1** -> **Store** -> **Hold**. Vậy máy **101** ban ngày thuộc **level 02** không gọi quốc tế, ban đêm chỉ gọi nội hạt.

XIX. Cấm máy con chiếm CO không cho gọi ra ngoài chỉ liên hệ nội bộ trong tổng đài.

- ❖ **602** : Đưa máy nhánh vào cos sử dụng chế độ không cho chiếm CO gọi ra ngoài.

- Nhập **602** -> **Class of service** -> **Enter** -> **Ext no**(nhập số máy nhánh) -> nhập **cos** của máy nhánh vào **cos** (từ **cos1**-> **cos 64**) -> **Store(lưu)** -> **Hold(thoát)**. Ví dụ **ext 102** vào **cos 55**
- Nhập **500** -> **COS-TRG Outgoing** -> **Enter** -> **Time mode** -> **Enter** -> nhập(**1:day,2:lunch,3:break,4:night**) -> **Enter** -> **cos(1-64)** theo ở trên thì chọn **cos 55** -> **Trunk gorup(1-64)** -> chọn **trunk group 1** -> **Enter** -> **Select(Enable** cho phép gọi trên CO, **disable** không cho phép gọi trên CO) chọn **Disable** -> **Store(lưu)** -> **Cos** tiếp theo nếu có -> **Store(lưu)** -> **Hold(thoát)**

- **Ext 102** vào **cos 55**, **cos 55** trong chương trình **500** chọn **disable** trên **trunk group 1** thì **ext 102** không chiếm Co trong **trunk group 1** gọi ra ngoài được

- **Chỉ gọi nội, 602 , ext COS 7**

XX. Accuont Code :(Bình thường máy nhánh sẽ không thực hiện được cuộc gọi bị giới hạn trong chế độ Accuont, nếu có mã Accuont thì mới thực hiện được..)

- ❖ **301** : Tạo mã cấm trên Level (từ level 2 -> level 6)

- Nhập **301** -> **TRS code** -> **Enter** -> **Level no** -> chọn level(từ level 2->level6) -> **location** -> **Enter** -> nhập mã cấm vào các vị trí từ (1->100) -> **Store(lưu)** -> **Next** -> vị trí tiếp theo tạo mã cấm tiếp -> **Store(lưu)** -> **Hold(thoát)**

- ❖ **501** : Đưa Cos vào Level (ngày và đêm)

- Nhập **501** -> **TRS Level** -> **Enter** -> **Time mode** -> chọn **1 :day,2:lunch,3:break,4:night** -> **Cos no** -> chọn **cos(1->64)** -> **Level no** chọn level cho cos(từ level1-> level6) -> **Store(lưu)** -> **Next** -> **cos** tiếp theo -> **Store(lưu)** -> **Hold(thoát)**

- ❖ **602** : Đưa Ext vào Cos .

- Nhập **602** -> **Class of service** -> **Enter** -> **Ext no**(nhập số máy nhánh) -> nhập **cos** cho máy nhánh vào **cos** để sử dụng trong chương trình **501** ở trên -> **Store(lưu)** -> **Hold(thoát)**

- ❖ **508** :Account code mode

- Nhập **508** -> **Accuont code mode** -> **Enter** -> **cos no**(chọn **cos** dùng **account code** từ **cos 1** -> **cos 64**) -> **Select(option /forced)** -> **Store(lưu)** -> **cos** tiếp theo nếu có -> **Store(lưu)** -> **Hold(thoát)**

Option: sử dụng khi chỉ gọi **Account code** cho những mã cấm đã quy định trong chương trình **cấm**.

Forced: tất cả cuộc gọi ra ngoài đều sử dụng **Accuont code**

- ❖ **120**: Toll verify code(mã account)

- Nhập **120** -> **Toll verify code** -> **Enter** -> **Location no(1-1000)** -> **Verified code**(mã code có thể có từ 1 kí tự -> 4 kí tự) -> **Store** -> **Location no** tiếp theo -> **Store(lưu)** -> **Hold(thoát)**

- ❖ **122**: Verified code pin (personal identification number là mã pin)

- Nhập **122** -> **Enter** -> **Location no(1->1000)** -> **Pin**(mã pin tối đa 10 kí tự) -> **Store(lưu)** -> **Location no** tiếp theo -> **Store(lưu)** -> **Hold(thoát)**

- **Chú ý**: Vị trí mã **Account** trong chương trình **120** phải tương ứng với vị trí(mã pin trong chương trình **122**. Tức là khi sử dụng chế độ gọi bằng **Accuont** thì vị trí mã **accuont** trong chương trình **120** phải giống vị trí mã pin trong chương trình **122**.

XXI. ARS chế độ tự động chèn dịch vụ 171,177,178,179 khi gọi liên tỉnh quốc tế

- ❖ **320** : ARS mode
 - Nhập **320** -> **Enter** -> **Select**(OF:không dùng, **Idle line**:line rãnh, **All access**(tắc cả các line) -> **Store**(lưu) -> **Hold**(thoát)
- ❖ **321**: Cho mã tỉnh vào dùng dịch vụ ARS
 - Nhập **321** -> **Enter** -> **Location no**(1->1000) -> **Leading no**(mã tỉnh cần chèn dịch vụ tối đa 10 kí tự) -> **Store**(lưu) -> **Location no** tiếp theo -> **Store**(lưu) -> **Hold**(thoát)
- ❖ **322** : Cho mã tỉnh vào từng Plan (16 Plan) .
 - Nhập **322** -> **Enter** -> **Location no**(1->1000) tương ứng với vị trí từ 1-1000 ở chương trình **321** -> **Plan table no**(1->16) -> **Store** -> **Location no** tiếp theo -> **Store** -> **Hold**
- ❖ **330**: Chọn khoảng thời gian sử dụng dịch vụ ARS
 - Nhập **330** -> **Enter** -> **Plan table no**(chọn plant từ 1->16) -> **Day no**(các ngày trong tuần **0:sun,1:mon,2:tue,3:wed,4:thu,5:fri,6:sat**) -> **ARS time no**(các khoảng thời gian trong ngày **1:time A,2:time B,3:time C,4:time D**) -> Chọn giờ bắt đầu các khoảng thời gian trong ngày) -> **Store** -> Khoảng thời gian tiếp theo -> **Store** -> **Hold**
- ❖ **331-346** :Chọn thứ tự ưu tiên cho từng Plan cho từng khoảng thời gian từ plan1 ->plan 16
 - Nhập **331-346** -> **Enter**→ **Day no**(nhập các ngày trong tuần **0:sun ,1:mo,2:tue,3:wed,4:thu,5:fri,6:sat**) -> **ARS time no**(các khoảng thời gian trong ngày tương ứng chương trình **330 1:time A,2:time B,3:time C,4:time D**) -> **Priority**(chế độ ưu tiên sử dụng dịch vụ ARS từ ưu tiên1 -> ưu tiên 6) -> **Carrier table no**(mã chèn dịch vụ theo vị trí từ 1->10 vị trí tương ứng trong chương trình **353 ARS Carrier table no**) -> **Store** -> **Hold**
- ❖ **353** : Nhập số dịch vụ cần chèn .
 - Nhập **353** -> **Enter** -> **Carrier table no**(1->10) -> **Carrier access code**(nhập mã chèn dịch vụ như 171,177,178 ...tương ứng với từng carrier table no từ 1->10) -> **Store** -> **Carrier table no** tiếp theo -> **Store** -> **Hold**

XXII. Chức năng Queuing (Giống UCD) : (Chế độ khi gọi vô nếu nhóm máy quy định đổ chuông bận thì sẽ phát ra bản thông báo ,sau đó sẽ có khoảng thời gian chờ nếu máy nào trong nhóm đổ chuông rồi thì sẽ nhận cuộc gọi.Nếu hết thời gian chờ quy định thì sẽ tục hiện chế độ UCD kế tiếp như tiếp tục phát bản tin thông báo rồi tiếp tục chờ hoặc là cuộc gọi sẽ kết thúc... tùy theo quy định.Phải có Card Disa) .

- ❖ **630** : Queuing time Table : Chọn nhóm ICD tương ứng từ 1->64 đổ chuông trên từng khoản thời gian trong ngày để sử dụng khi các máy trong ICD group bận thì dùng chế độ queuing(ucd) .
 - Nhập **630** -> **Enter** -> **Incoming call distribution no**(ICDgroup từ 1-> 64) -> **Time no**(nhập chế độ thời gian **1:day,2:lunch,3:break,4:night**) -> **Table no** (bản chế độ queuing được tạo trong chương trình 631 từ 1-64) -> **Store**(lưu) -> **Hold**(thoát)
- ❖ **631** : Sequences in Queuing time table : Chọn các chế độ cho từng table trên 16 Sequences (1-> 16) để gán vào lệnh 630 .
 - Nhập **631** -> **Enter** -> **Table no**(chọn vị trí table từ 1->64) -> **Location no**(vị trí các chế độ queuing từ 1->16) -> **Select**(chọn các chế độ queuing:/overflow nhảy sang độ chuông ở máy overflow được quy định trước/disconec (kết thúc cuộc gọi "N"x5s(thời gian chờ máy nhánh trong nhóm đổ chuông rồi sẽ nhận cuộc gọi/sequence "N"(chế độ lập lại)/OGM"N"(bản tin thông báo phát ra) -> **Store**(lưu) -> **Location no** tiếp theo -> **Store**(lưu) -> **Hold**
- **Có 2 phương án đổ chuông :**
Phương án đổ chuông theo chế độ ICD Group:
- ❖ **620** : Xác định số nổi (ICD Group Number , có 64 nhóm : từ nhóm 1 đến nhóm 64 tương ứng với số nổi là 601 -> 604) được chọn trong lệnh **622** : Đưa những máy nào muốn đổ chuông vào cùng một nhóm theo số nổi .
 - Nhập **620** -> **ICD group Member** -> **Enter** -> **ICD group no**(01->64) chọn **group** để khai báo máy đổ chuông -> vị trí các máy đổ chuông(01-.32) -> nhập máy nhánh đổ chuông -> **Store**(lưu) -> Nhập vị trí tiếp theo để khai báo máy nhánh tiếp theo đổ chuông -> **Store** -> **Hold**(thoát)
- ❖ **621** : Chọn Delay chuông hoặc đổ cùng một lúc cho từng nhóm theo số nổi .
 - Nhập **621** -> **Delayed ring** -> **Enter** -> **ICD group**(1->64) -> nhập số ICD group để delay(5s,10s,15s) -> **Store** -> **Hold**
- ❖ **450**: Chọn DIL theo nhóm số nổi cho ngày, đêm , trưa và cho từng CO .

- Nhập **450** -> **DIL 1:1 Ring** -> **Enter** -> **Time mode**(nhập **1:day,2:lunch,3:break,4:night**) -> **Slot no** -> **Enter** -> **Port no** (chọn port CO) -> **Ext**(nhập số nối của ICD group để chuông ở lệnh **620(601->664)**) -> **Store** -> **Hold**
- Phương án đổ chuông theo chế độ hunting group:**
- ❖ **680** : Chọn kiểu Hunting cho nhóm dùng Hunting group ,có 64 Hunting group từ group 1 ->group 64.
 - Nhập **680** -> **Hunt group type** -> **Enter** -> **Hunt group(01->64)** -> bấm **Select(terminate,circular)** -> chọn 1 trong 2 chế độ **terminate** (chế độ đổ chuông đầu cuối) và **circular**(chế độ đổ chuông xoay vòng) -> **Store**(lưu) -> **Hold**(thoát)
 - ❖ **681** : Cho những máy đổ chuông vào nhóm tương ứng từ nhóm 1-> nhóm 64, tối đa có 16 máy đổ chuông trong một hunting group
 - Nhập **681** -> **Hunt group member** -> **Enter** -> **Hunt group(01->64)** chọn group ở chế độ hunt tương ứng với lệnh **680** -> nhập số các Ext (máy nhánh) vào nhóm để Hunting -> **Store**(lưu) -> **Hold**(thoát)
 - Nhập **620** -> **ICD group Member** -> **Enter** -> **ICD group no(01->64)** nhập group để khai báo máy đổ chuông -> vị trí các máy đổ chuông(01->32) -> nhập máy nhánh đổ chuông đầu tiên trong nhóm Hunting khi bạn sẽ đổ chuông ở máy rồi tiếp theo trong nhóm) -> **Store**(lưu) -> Nhập vị trí tiếp theo để khai báo cho Ext tiếp theo cho đổ chuông -> **Store** -> **Hold**(thoát)
 - ❖ **450** : Chọn DIL theo nhóm số nối cho ngày, đêm, trưa và cho từng CO.
 - Nhập **450** -> **DIL 1:1 Ring** -> **Enter** -> **Time mode**(nhập**1:day,2:lunch,3:break,4:night**) -> **Slot no** -> **Enter** -> **Port no** (chọn port CO) -> **Ext** (nhập số nối của ICD group để chuông ở lệnh **620(601->664)**) -> **Store**(lưu) -> **Hold**(thoát)

XXIII. Dect Phone :

- Lập trình và kết nối Card máy Dect : KX-TDA 0141
- Gắn được trên Card DHLC, chỉ dùng hai dây Data và chiếm 1 port trên card DHLC
- Máy Dect có thể dùng loại KX-TCA255 hoặc các loại Dect dòng 400 và 500.
- Lập trình kết nối :
- ❖ **690** : PS Registration : Đăng ký máy Dect với Card 0141.
 - Nhập **690** -> **PS No** (số lượng PS 001->128) -> **Ext no**(nhập số nội bộ của máy dec giống như số của ext khác không trùng với những số đã dùng) -> Tiếp tục thực hiện trên máy **Handset**(máy con) -> Nhấn phím **✕** **⊙** khoản 2 giây để mở nguồn -> nhấn “≡” hoặc “⊙” -> chọn mục “**Setting HS**” -> nhấn “≡” hoặc “⊙” -> chọn mục “**Registration**” -> Nhấn “≡” hoặc “⊙” -> “**Register HS**” -> Nhấn “≡” hoặc “⊙”->nhập mã Pin (1234) -> Nhấn “≡” hoặc “⊙”.

XXIV. Chế độ cổng com RS-232C

- Nhập **800** -> **Enter** -> **New line code** -> **Select**(chọn **CR+LF/CR**) -> **Store**(lưu) -> **Next** -> **Baud rate**(chọn tốc độ giữa tổng đài và tốc độ cổng com giống nhau trong các giá trị sau 2400/4800/9600/19200/38400/57600/115200bps thường chọn hai giá trị 9600 và 192000) -> **Store**(lưu) -> **Next** -> **Word length**(chiều dài kí tự 7/8 bit thường chọn 8bit) -> **Store**(lưu) -> **Next** -> **Parity bit**(chọn bit parity thường chọn none) -> **Store**(lưu) -> **Next** -> **Stop bit**(chọn bit stop là 1) -> **Store**(lưu) -> **Hold**(thoát)
- ❖ **804** : Chế độ in hay không in cuộc gọi ra
 - Nhập **804** -> **Enter** -> **Select(no print/print)** -> **Store**(lưu) -> **Hold**(thoát)
- ❖ **805**: Chế độ in hay không in cuộc gọi vào
 - Nhập **805** -> **Enter** -> **Select(no print/print)** -> **Store**(lưu) -> **Hold**(thoát)

Mọi vấn đề thắc mắc liên quan đến sản phẩm, xin Quý khách hàng vui lòng gọi

- *Cửa hàng Đại lý* :

- **Trung tâm bảo hành** : **9955880/8** xin số: **108**

